TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 224/2025/DS-ST Ngày 09 – 9 – 2025 V/v tranh chấp hụi	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Sim
2. Ông Vũ Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 371/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Cẩm N, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp Đầu S, xã Phú T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Mai Tấn L, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp Cống Đ, xã Phú T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, chị Trần Thị Cẩm N (nguyên đơn) trình bày:

Ngày 10/01/2019 âm lịch (viết tắt AL), chị có mở dây hụi 2.000.000 đồng, hụi hưởng hoa hồng (mỗi hụi viên lĩnh hụi phải trả hoa hồng là 1.200.000 đồng/chân), mỗi tháng khui một lần vào ngày 10 hàng tháng, dây hụi có 36 chân, anh Mai Tấn L tham gia chơi một chân. Đến kỳ hụi thứ 2 (nhằm ngày 10/02/2019 AL), anh L lĩnh hụi và chị đã chung đủ tiền hụi, anh L có ký nhận vào giấy giao tiền hụi. Sau khi lĩnh hụi, anh L đóng hụi chết đến ngày 10/11/2019 AL thì ngưng cho đến nay. Việc anh L cho rằng chơi hụi dùm cho bà Út Phường và tiền lĩnh hụi chị giao cho bà Út Phường là không đúng bởi trong dây hụi này, bà Út Phường tham gia chơi hai chân và đã lĩnh hụi nhưng bà Út Phường đã bỏ địa phương đi cho đến nay, chưa trả tiền hụi chết cho chị còn trong giấy giao tiền hụi ghi nội dung giao tiền hụi cho chú thiếm Bảy Khỏi (cha mẹ của anh L) là vì khi chị giao tiền hụi chị có cho mẹ của anh L hay để chứng kiến việc chị giao tiền hụi cho anh L chứ cha mẹ của anh L không tham gia chơi dây hụi trên, chị cũng không có yêu cầu gì

đối với cha mẹ của anh L. Tính từ ngày 10/12/2019 AL cho đến ngày mãn hụi (ngày 10/12/2021 AL), anh L còn nợ chị 25 kỳ hụi với số tiền 50.000.000 đồng nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh L trả một lần hết số tiền hụi chết còn thiếu là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Ngoài ra, chị N không yêu cầu thêm khoản nào khác.

Tại phiên tòa, anh Mai Tấn L (bị đơn) trình bày:

Anh có tham gia chơi một chân hụi trong dây hụi ngày 10/01/2019 AL do chị Trần Thị Cẩm N mở, chân hụi này anh đã bỏ thăm hốt hụi và có ký tên vào giấy chung tiền hụi cho chị N chứ cha mẹ của anh không tham gia chơi dây hụi này, chị N cũng không giao tiền hụi cho cha mẹ anh. Tuy nhiên, việc tham gia dây hụi trên, anh chơi hụi dùm cho chị dâu của anh tên Phường, anh không rõ họ và tên đệm, hiện bà Phường bỏ đi Bình Dương nhưng anh không rõ địa chỉ cụ thể, việc anh chơi hụi dùm cho bà Phường do chị N quy định mỗi người không tham gia chơi quá 01 chân và bà Phường là người nhận tiền hụi không phải anh nhận. Sau khi bà Phường bỏ đi, anh là người trực tiếp thực hiện việc đóng hụi chết cho chị N cho đến khi mãn hụi, hiện anh không còn nợ hụi chị N nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị N và không yêu cầu gì đối với bà Phường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, tuy tại phiên tòa bị đơn trình bày việc chơi hụi là chơi dùm chị dâu tên Phường nhưng không rõ họ, tên đệm của bà Phường và hiện cả các đương sự đều xác định bà Phường đã bỏ địa phương đi, không rõ địa chỉ cụ thể ở đâu nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để triệu tập bà Phường đến Tòa để làm việc, lấy lời khai liên quan đến việc chơi dây hụi mở ngày 10/01/2019 AL nên Hội đồng xét xử không đưa bà Phường vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

Đối với vợ chồng bà Bảy Khỏi (là cha mẹ của bị đơn), các đương sự xác định không tham gia việc giao dịch hụi, không nhận tiền hụi do nguyên đơn chung, việc để tên vợ chồng bà Bảy Khỏi trong giấy chung tiền hụi là để chứng kiến, các đương sự không có yêu cầu gì đối với vợ chồng bà Bảy Khỏi nên Hội đồng xét xử không đưa vợ chồng bà Bảy Khỏi vào tham gia tố tụng là phù hợp.

[2] Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là tranh chấp hụi. Quá trình thực hiện thỏa thuận về hụi, nguyên đơn cho rằng bị đơn đã lĩnh hụi nhưng đến nay không thực hiện nghĩa vụ đóng lại tiền hụi chết cho nguyên đơn còn bị đơn xác định đã đóng hụi đầy đủ, không còn nợ nguyên đơn nên giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[3] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng dây hụi mở ngày 10/01/2019 AL, bị đơn tham gia tuy không có đăng ký với chính quyền địa phương nhưng có lập danh sách hụi viên, được các đương sự cùng một số hụi viên trong dây hụi thừa nhận về thời gian mở hụi, loại hụi, thời gian hụi mãn, số chân hụi bị đơn tham gia cũng như việc bị đơn đã lĩnh hụi và ký nhận vào giấy giao tiền hụi ngày 20/02/2019 cho nguyên đơn là có thật nên không phải chứng minh.

Vấn đề nguyên đơn, bị đơn trình bày không thống nhất với nhau là việc đóng hụi chết sau khi lĩnh hụi. Bị đơn cho rằng chơi hụi dùm cho bà Phường và tiền lĩnh hụi, bà Phường nhận chứ bị đơn không nhận là có mâu thuẫn. Bởi bị đơn

xác định trong dây hụi trên, nguyên đơn quy định không cho hụi viên tham gia hơn một chân nên bị đơn mới chơi dùm bà Phường một chân trong khi danh sách hụi viên thể hiện có những hụi viên tham gia từ 02 chân trở lên trong đó có bà Út Phường (chị dâu của bị đơn) tham gia đến 02 chân. Hơn nữa, khi nguyên đơn giao tiền lĩnh hụi nếu bà Phường là người nhận tiền thì không có lý do gì bị đơn lại ký vào giấy nhận tiền lĩnh hụi ngày 20/02/2019 mà không yêu cầu bà Phường ký tên nhận tiền nên bị đơn phải chịu trách nhiệm đối với việc ký tên, việc đứng tên trong danh sách hụi viên. Mặt khác, Tòa án cũng đã ban hành văn bản yêu cầu bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc giao dịch hụi với nguyên đơn nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh trong khi theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn là người có nghĩa vụ chứng minh nên bị đơn phải gánh chịu hậu quả pháp lý khi không cung cấp chứng cứ để chứng minh theo yêu cầu của Tòa án. Bên cạnh đó, bị đơn cho rằng đã đóng hụi chết cho nguyên đơn đến khi mãn hụi thì không có lý do gì nguyên đơn khởi kiện bị đơn và chỉ yêu cầu bị đơn trả 25 kỳ hụi chết trong khi các đương sự thừa nhận việc đóng hụi chết không có ký nhận với nhau nên lời trình bày của bị đơn là không có căn cứ, không phù hợp với thực tế giao dịch. Vì vậy, lời trình bày của nguyên đơn về việc bị đơn sau khi lĩnh hụi chỉ đóng hụi chết đến ngày 10/11/2019 AL thì ngưng và hiện còn nợ nguyên đơn 25 kỳ hụi chết tính từ ngày 10/12/2019 đến ngày 10/12/2021 AL (ngày mãn hụi) với số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) là có cơ sở, được chấp nhận.

[4] Về thời gian và phương thức thanh toán nợ, Hội đồng xét xử xét thấy do các đương sự không thỏa thuận được với nhau và việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu, nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Cẩm N.

Buộc anh Mai Tấn L trả cho chị Trần Thị Cẩm N số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án, anh L không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Anh Mai Tấn L phải nộp số tiền là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng – chưa nộp).

Chị Trần Thị Cẩm N không phải nộp. Ngày 24/6/2025, chị N đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004270 được trả lại toàn bộ cho chị N.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân